BỘ NÔNG NGHIỆP & PTNT
VIỆN QUY HOẠCH THỦY LỢI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN TIN TUẦN

"Kết quả quan trắc, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Bắc Nam Hà, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp"

(Từ 28/2/2022 đến 06/3/2022)

I. Kết quả giám sát chất lượng nước tuần từ ngày 28/2/2022 đến 06/3/2022

1. Vị trí giám sát

TT	Tên vị trí lấy mẫu	Nguồn/Sông	Lý do xác định vị trí lấy mẫu
1	Cống Như Trác	Sông Hồng	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh Như Trác tưới cho khu vực Huyện Lý Nhân và phần Bắc huyện Bình Lục.
2	Cống Hữu Bị	Sông Hồng	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh Hữu Bị tưới cho khu vực Huyện Mỹ Lộc và phần Bắc huyện Bình Lục.
3	Cống Cốc Thành	Sông Đào	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh Cốc thành tưới cho khu vực Huyện Vụ Bản.
4	Cống sông Chanh	Sông Đào	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh tiêu sông Chanh và tưới bổ sung cho khu vực Nam huyện Vụ Bản.
5	Cống Nhâm Tràng	Sông Đáy	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh tưới Nhâm Tràng, tưới cho Huyện Thanh Liêm và phần phía Bắc huyện Ý Yên, bổ sung nước vào hệ thống cuối kênh Như Trác.
6	Cống Kinh Thanh	Sông Đáy	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh tưới, tưới cho Huyện Thanh Liêm
7	Cống Cổ Đam	Sông Đáy	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh tưới Cổ Đam, tưới cho Huyện Ý Yên
8	Cống Vĩnh Trị	Sông Đáy	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh tưới, tiêu kết hợp, tưới cho Huyện Ý Yên và Huyện Vụ Bản
9	Đầu kênh T3	Kênh T3	Kiểm tra chất lượng nước trên kênh T3 là kênh trực tiếp nhận nước thải dọc thành phố Nam Định, nhưng vẫn sử dụng để cấp cho tưới qua trạm bơm Cốc Thành
10	Đầu kênh C9	Sông Chanh	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống sông Chanh, tưới tiêu kết hợp cho huyện Ý Yên.
11	Cầu đường 10 với sông Sắt	Sông Sắt	Kiểm tra chất lượng nước sông Sắt, tưới tiêu kết hợp khu vực phía nam huyện Ý Yên
12	Đập An Bài (sông Châu	Sông Châu	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống sông Sắt, tưới tiêu kết hợp cho Huyện Bình Lục.

TT	Tên vị trí lấy mẫu	Nguồn/Sông	Lý do xác định vị trí lấy mẫu
	Giang)	Giang	
13	TB triệu Xá (sông Châu Giang)	Sông Châu Giang	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống tưới tiêu kết hợp cho Huyện Bình Lục và Huyện thanh Liêm.
14	Đập La Chợ	Sông Châu Giang	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống, tưới tiêu kết hợp cho Huyện Mỹ Lộc.
15	Đầu kênh S48	Kênh S48	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống tưới, tiêu nông nghiệp và khu vực làng nghề mây tre đan huyện Ý Yên.
16	Đập Vùa (CG12)	Kênh Vùa	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống tưới cho Huyện Lý Nhân.`
17	Cầu Chủ (sông Châu Giang)	Sông Châu Giang	Vị trí ô nhiễm do nhận nước thải các huyện Bình Lục, Lý Nhân
18	Cầu Yên Trung (kênh Kinh Thủy)	Kênh Kinh Thủy	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống tiêu Huyện Thanh Liêm. Vị trí ô nhiễm do nhận nước thải của huyện Thanh Liêm
19	Đầu kênh C19 (kênh tiêu sông Chanh)	Kênh C19	Kiểm tra chất lượng nước tưới tiêu kết hợp và nước thải từ KCN Bảo Minh, thành phố Nam Định với các ngành sản xuất: dệt, nhuộm, cơ khí, chế biến gỗ, đồ điện
20	Đầu kênh T6	Kênh T6	Nước thải TP. Nam Định nhưng vẫn được sử dụng tưới cho khu vực huyện Vụ Bản

BẢN ĐỒ GIÁM SÁT CLN HỆ THỐNG CTTL BẮC NAM HÀ NĂM 2022

2. Thông tin lúc giám sát

Trong thời gian từ 28/2/2022 – 06/3/2022 không thực hiện giám sát

3. Kết quả đo đạc

Do không khảo sát nên không có kết quả để đánh giá, so sánh với tuần trước và cùng kỳ năm trước

II. Dự báo chất lượng nước tuần từ ngày 28/2/2022 đến 06/3/2022

1. Diễn biến thủy văn và lịch sản xuất trong tuần

Dự báo tuần tới vùng Trung du và Đồng bằng Bắc bộ các trạm có mưa không đáng kể đến mưa nhỏ, lượng mưa dao động từ 1-5mm.

Lượng mưa TB hiện tại tại Phủ Lý có xu thế tăng so với TBNN cùng thời kỳ, tại Nam Định có xu thế tăng.

Bảng 1: LƯỢNG MƯA TẠI MỘT SỐ TRẠM TRONG VÙNG

TT	Trạm	Tỉnh	Sông	Lượng mưa tuần trước (mm)	Lượng mưa lũy tích từ tháng VI/2021 (mm)	So sánh lượng mưa lũy tích với cùng kỳ (+/-%)			Dự báo lượng mưa từ 28/2 - 06/3 (mm)
						TBNN	2021	2020	
1	Nam Định	Nam Định	Đào	78,6	2020	+47	+55	+88	4,4
2	Phủ Lý	Hà Nam	Đáy	79,7	1912	+26	+46	+26	2,9

Bảng 2: NGUỒN NƯỚC TẠI CỐNG, TRẠM BƠM

TT	Tên công trình	Mực nước thiết kế (m)	Nhiệm vụ sản xuất (ha)	Mực nước dự báo tuần tới: (m)			Ghi chú
				Dự báo MNTB so với TK (+/-: m)	Khả năng cấp nước của công trình (%)	Diện tích bảo đảm tưới (ha)	
1	TB. Như Trác	1,1	7512	-0,2	100,0	7512	Giảm
2	TB. Hữu Bị	0,8	7501	0,0	100,0	7501	Giảm
3	TB. Cốc Thành	0,8	8536	-0,1	100,0	8536	Giảm
4	TB. Cổ Đam	0,8	9651	-0,2	100,0	9651	Giảm
5	TB. Nhâm Tràng	0,9	4415	-0,2	100,0	4415	Giảm
6	TB. Vĩnh Trị	0,8		-0,2			Giảm

2. Dự báo tình hình chất lượng nước trong tuần

DO								B1-QCVN 08-2015
Vị trí	Tuần dự báo							
	28/2	01/03	02/03	03/03	04/03	05/03	06/03	
Cống Như Trác	6.367	6.367	6.367	6.367	6.367	6.367	6.367	≥ 4
Cống Hữu Bị	6.472	6.480	6.482	6.479	6.472	6.461	6.447	≥ 4
Cống Cốc Thành	5.788	5.793	5.795	5.796	5.797	5.797	5.797	≥ 4
Cống sông Chanh	5.093	5.098	5.102	5.107	5.110	5.112	5.114	≥ 4
Cống Nhâm Tràng	4.704	4.704	4.704	4.704	4.704	4.704	4.704	≥ 4
Cống Kinh Thanh	6.115	6.101	6.087	6.077	6.070	6.067	6.068	≥ 4
Cống Cổ Đam	4.658	4.690	4.747	4.798	4.835	4.862	4.881	≥ 4
Cống Vĩnh Trị	4.771	4.797	4.817	4.833	4.847	4.858	4.867	≥ 4
Đầu kênh T3	5.604	5.621	5.628	5.631	5.632	5.632	5.632	≥ 4
Đầu kênh C9	5.800	5.842	5.865	5.878	5.888	5.893	5.896	≥ 4
Cầu đường 10 với sông Sắt	4.971	4.965	4.961	4.959	4.959	4.961	4.964	≥ 4
Đập An Bài (sông Châu Giang)	5.913	5.913	5.913	5.913	5.913	5.913	5.913	≥ 4
TB triệu Xá (sông Châu Giang)	5.650	5.650	5.650	5.650	5.650	5.650	5.650	≥ 4
Đập La Chợ	6.436	6.384	6.323	6.266	6.216	6.175	6.141	≥ 4
Đầu kênh S48	5.020	5.020	5.020	5.020	5.020	5.020	5.020	≥ 4
Đập Vùa (CG12)	6.572	6.556	6.539	6.522	6.504	6.485	6.466	≥ 4
Cầu Chủ (sông Châu Giang)	6.190	6.192	6.197	6.201	6.204	6.205	6.205	≥ 4
Cầu Yên Trung (kênh Kinh Thủy)	4.741	4.934	5.144	5.305	5.419	5.500	5.559	≥ 4
Đầu kênh C19 (kênh tiêu sông Chanh)	5.440	5.473	5.492	5.504	5.511	5.516	5.519	≥ 4
Đầu kênh T6	5.749	5.759	5.763	5.765	5.766	5.766	5.766	≥ 4

Vị trí	NO_3^-							B1-QCVN 08-2015
	Tuần dự báo							
	28/2	01/03	02/03	03/03	04/03	05/03	06/03	
Cống Như Trác	1.779	1.779	1.779	1.779	1.779	1.779	1.779	≤ **10**
Cống Hữu Bị	1.440	1.440	1.451	1.470	1.495	1.524	1.556	≤ **10**
Cống Cốc Thành	0.770	0.753	0.742	0.735	0.730	0.728	0.726	≤ **10**
Cống sông Chanh	4.838	4.845	4.847	4.847	4.844	4.841	4.838	≤ **10**
Cống Nhâm Tràng	2.904	2.904	2.904	2.904	2.904	2.904	2.904	≤ **10**
Cống Kinh Thanh	2.127	2.167	2.205	2.238	2.263	2.279	2.288	≤ **10**
Cống Cổ Đam	6.020	5.919	5.853	5.809	5.778	5.756	5.740	≤ **10**
Cống Vĩnh Trị	4.513	4.489	4.473	4.463	4.457	4.454	4.454	≤ **10**
Đầu kênh T3	1.677	1.614	1.563	1.527	1.502	1.484	1.471	≤ **10**
Đầu kênh C9	2.832	2.764	2.736	2.725	2.722	2.723	2.726	≤ **10**
Cầu đường 10 với sông Sắt	4.229	4.253	4.273	4.289	4.302	4.312	4.321	≤ **10**
Đập An Bài (sông Châu Giang)	2.464	2.464	2.464	2.464	2.464	2.464	2.464	≤ **10**
TB triệu Xá (sông Châu Giang)	4.800	4.800	4.800	4.800	4.800	4.800	4.800	≤ **10**
Đập La Chợ	1.561	1.663	1.760	1.841	1.904	1.952	1.989	≤ **10**
Đầu kênh S48	6.900	6.900	6.900	6.900	6.900	6.900	6.900	≤ **10**
Đập Vùa (CG12)	1.296	1.328	1.361	1.396	1.432	1.470	1.508	≤ **10**
Cầu Chủ (sông Châu Giang)	2.107	2.119	2.127	2.135	2.144	2.156	2.169	≤ **10**
Cầu Yên Trung (kênh Kinh Thủy)	3.907	3.631	3.436	3.300	3.205	3.135	3.083	≤ **10**
Đầu kênh C19 (kênh tiêu sông Chanh)	2.400	2.336	2.282	2.236	2.199	2.168	2.143	≤ **10**
Đầu kênh T6	0.958	0.924	0.900	0.885	0.875	0.869	0.864	≤ **10**

BOD$_5$								**B1-QCVN 08-2015**
Vị trí	**Tuần dự báo**							
	28/2	**01/03**	**02/03**	**03/03**	**04/03**	**05/03**	**06/03**	
Cống Như Trác	11.513	11.513	11.513	11.513	11.513	11.513	11.513	**≤ 15**
Cống Hữu Bị	7.276	7.292	7.353	7.451	7.581	7.735	7.910	**≤ 15**
Cống Cốc Thành	14.746	14.756	14.773	14.790	14.806	14.821	14.834	**≤ 15**
Cống sông Chanh	25.602	25.739	25.845	25.926	25.991	26.044	26.089	**≤ 15**
Cống Nhâm Tràng	16.768	16.768	16.768	16.768	16.768	16.768	16.768	**≤ 15**
Cống Kinh Thanh	8.905	9.049	9.187	9.306	9.398	9.460	9.494	**≤ 15**
Cống Cổ Đam	20.015	20.045	20.200	20.362	20.491	20.587	20.658	**≤ 15**
Cống Vĩnh Trị	16.502	16.581	16.646	16.706	16.764	16.822	16.878	**≤ 15**
Đầu kênh T3	14.980	15.110	15.262	15.408	15.541	15.660	15.766	**≤ 15**
Đầu kênh C9	12.612	12.356	12.253	12.217	12.218	12.246	12.294	**≤ 15**
Cầu đường 10 với sông Sắt	16.397	16.451	16.508	16.562	16.613	16.661	16.707	**≤ 15**
Đập An Bài (sông Châu Giang)	11.393	11.393	11.393	11.393	11.393	11.393	11.393	**≤ 15**
TB triệu Xá (sông Châu Giang)	24.900	24.900	24.900	24.900	24.900	24.900	24.900	**≤ 15**
Đập La Chợ	7.788	8.293	8.841	9.367	9.839	10.250	10.606	**≤ 15**
Đầu kênh S48	15.700	15.700	15.700	15.700	15.700	15.700	15.700	**≤ 15**
Đập Vùa (CG12)	6.808	6.978	7.155	7.341	7.536	7.738	7.947	**≤ 15**
Cầu Chủ (sông Châu Giang)	10.146	10.222	10.279	10.336	10.400	10.475	10.561	**≤ 15**
Cầu Yên Trung (kênh Kinh Thủy)	16.957	17.468	18.105	18.620	19.000	19.277	19.482	**≤ 15**
Đầu kênh C19 (kênh tiêu sông Chanh)	15.452	15.705	15.986	16.256	16.502	16.718	16.907	**≤ 15**
Đầu kênh T6	14.804	14.829	14.868	14.909	14.946	14.980	15.011	**≤ 15**

Vị trí	NH_4^+							B1-QCVN 08-2015
	Tuần dự báo							
	28/2	01/03	02/03	03/03	04/03	05/03	06/03	
Cống Như Trác	0.258	0.258	0.258	0.258	0.258	0.258	0.258	**≤ 0,9**
Cống Hữu Bị	0.315	0.323	0.332	0.344	0.357	0.370	0.385	**≤ 0,9**
Cống Cốc Thành	0.313	0.315	0.315	0.316	0.317	0.317	0.318	**≤ 0,9**
Cống sông Chanh	0.434	0.435	0.435	0.437	0.438	0.439	0.440	**≤ 0,9**
Cống Nhâm Tràng	0.373	0.373	0.373	0.373	0.373	0.373	0.373	**≤ 0,9**
Cống Kinh Thanh	0.348	0.359	0.369	0.379	0.388	0.395	0.401	**≤ 0,9**
Cống Cổ Đam	0.653	0.643	0.640	0.638	0.638	0.638	0.637	**≤ 0,9**
Cống Vĩnh Trị	0.873	0.889	0.902	0.913	0.923	0.932	0.941	**≤ 0,9**
Đầu kênh T3	0.398	0.411	0.419	0.426	0.433	0.438	0.444	**≤ 0,9**
Đầu kênh C9	0.730	0.715	0.711	0.711	0.714	0.718	0.723	**≤ 0,9**
Cầu đường 10 với sông Sắt	0.909	0.912	0.917	0.923	0.929	0.936	0.942	**≤ 0,9**
Đập An Bài (sông Châu Giang)	0.591	0.591	0.591	0.591	0.591	0.591	0.591	**≤ 0,9**
TB triệu Xá (sông Châu Giang)	0.740	0.740	0.740	0.740	0.740	0.740	0.740	**≤ 0,9**
Đập La Chợ	0.371	0.404	0.434	0.460	0.482	0.502	0.519	**≤ 0,9**
Đầu kênh S48	2.300	2.300	2.300	2.300	2.300	2.300	2.300	**≤ 0,9**
Đập Vùa (CG12)	0.323	0.337	0.351	0.366	0.382	0.397	0.413	**≤ 0,9**
Cầu Chủ (sông Châu Giang)	0.545	0.554	0.561	0.569	0.577	0.586	0.595	**≤ 0,9**
Cầu Yên Trung (kênh Kinh Thủy)	0.485	0.468	0.462	0.459	0.457	0.456	0.456	**≤ 0,9**
Đầu kênh C19 (kênh tiêu sông Chanh)	0.451	0.467	0.478	0.487	0.495	0.501	0.508	**≤ 0,9**
Đầu kênh T6	0.330	0.334	0.335	0.337	0.339	0.340	0.342	**≤ 0,9**

Kết quả dự báo DO trong tuần đều có giá trị thỏa mãn giới hạn B1 của QCVN 08-MT/2015/BTNMT.

Kết quả dự báo NO_3^- trong tuần đều có giá trị thỏa mãn giới hạn B1 của QCVN 08-MT/2015/BTNMT.

Các vị trí có hàm lượng BOD_5 trong kỳ dự báo vượt giới hạn B1 của QCVN 08-MT/2015/BTNMT như Sông Chanh, Nhâm Tràng, Cổ Đam, Vĩnh Trị, Đầu kênh T3, Cầu đường 10, TB Triệu Xá, Đầu kênh S48, Cầu Yên Trung, Đầu kênh C19.

Các vị trí có hàm lượng NH_4^+ trong kỳ dự báo vượt giới hạn B1 của QCVN 08-MT/2015/BTNMT như Vĩnh Trị, Cầu đường 10, Đầu kênh S48.

III. Các đề xuất, kiến nghị

1. Nhận xét

Chất lượng nước hệ thống Bắc Nam Hà trong thời đoạn dự báo có các vị trí vượt giới hạn B1 của QCVN 08-MT/2015/BTNMT nhiều hơn tuần trước.

2. Đề xuất.

Đề nghị Công ty KTCTTL Bắc Nam Hà tiếp tục tận dụng triều để trao đổi nước sông và trong hệ thống, tăng cường vận hành các cống để đưa nước vào hệ thống.

3. Dự báo chung.

Với dự báo lượng mưa và mực nước như dự báo ở trên thì mức độ ô nhiễm chất lượng nước trong HTCTTL Bắc Nam Hà sẽ tăng. Hàm lượng các thông số như BOD_5, NH_4^+, NO_3^- sẽ có xu hướng tăng, hàm lượng Oxy hòa tan trong nước sẽ có xu hướng giảm./.

Nơi nhận:

VIỆN QUY HOẠCH THỦY LỢI

- Tổng cục Thủy lợi;
- Viện kỹ thuật TNN;
- Cty TNHH MTV KTCTTL Thủy lợi Bắc Nam Hà;
- Chi cục thủy lợi tỉnh Hà Nam;
- Chi cục thủy lợi tỉnh Nam Định;
- Lưu phòng TN&TVQLCLN,MT.